

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

(Đề thi gồm 04 trang, 40 câu)

Mã đề thi : 008

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành luyện kim đen?

- A. Mỹ Tho. B. Rạch Giá. C. Cần Thơ. D. Thủ Dầu Một.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường số 28 đi qua địa điểm nào sau đây?

- A. Vũng Tàu. B. Di Linh. C. Tuy Hòa. D. Sóc Trăng.

Câu 43: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2021

Quốc gia	Thái Lan	Ma-lai-xi-a	Mi-an-ma	In-đô-nê-xi-a
Diện tích (Nghìn km ²)	510,9	328,6	652,8	1877,5
Dân số (Triệu người)	66,7	32,8	55,5	275,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số của các quốc gia năm 2021?

- A. Ma-lai-xi-a thấp hơn Thái Lan. B. Mi-an-ma cao hơn Ma-lai-xi-a.
C. In-đô-nê-xi-a thấp hơn Mi-an-ma. D. Thái Lan cao hơn In-đô-nê-xi-a.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào cao nhất trong các núi sau đây?

- A. Núi Nam Decbri. B. Núi Ngọc Krinh. C. Núi Chư Yang Sin. D. Núi Ngọc Linh.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết tỉnh nào sau đây giáp với Đông Nam Bộ và Campuchia?

- A. Bình Phước. B. Tây Ninh. C. Long An. D. Đồng Tháp.

Câu 46: Ngập lụt tại các đồng bằng ở Trung Bộ chủ yếu do mưa bão, nước biển dâng và

- A. lũ nguồn về. B. sương muối. C. lũ quét. D. nhiều đê biển.

Câu 47: Ngành nào sau đây không phải là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay?

- A. Vật liệu xây dựng. B. Luyện kim màu. C. Cơ khí - điện tử. D. Sản xuất điện.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây nằm ở phía bắc vĩ tuyến 20°B?

- A. Nghệ An. B. Bình Định. C. Bình Phước. D. Hưng Yên.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết mỏ sắt Trại Cau thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Bắc Giang. B. Thái Nguyên. C. Bắc Kạn. D. Lạng Sơn.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây là phụ lưu của hệ thống sông Đà Rằng?

- A. Sông Hinh. B. Sông Bé. C. Sông Hiếu. D. Sông Gâm.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết tỉnh nào sau đây có sân bay và khu kinh tế cửa khẩu?

- A. Quảng Ngãi. B. Khánh Hòa. C. Gia Lai. D. Đắk Lắk.

Câu 52: So với các vùng khác, Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước về

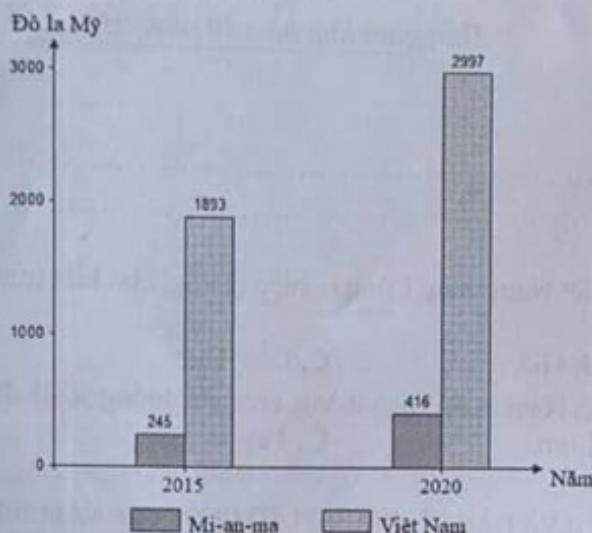
- A. số lượng khu kinh tế. B. thu hút vốn đầu tư. C. chiều dài đường bờ biển. D. diện tích và dân số.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào có biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn nhất trong các trạm khí tượng sau đây?

- A. Đà Nẵng. B. Cần Thơ. C. Điện Biên Phủ. D. Lạng Sơn.

Câu 54: Công nghiệp nhiệt điện nước ta hiện nay sử dụng nhiều
 A. than mỡ. B. than nâu. C. than bùn. D. than đá.

Câu 55: Cho biểu đồ:



XUẤT KHẨU BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA MI-AN-MA VÀ VIỆT NAM NĂM 2015 VÀ NĂM 2020
 (Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi xuất khẩu bình quân đầu người năm 2020 so với năm 2015 của Mi-an-ma và Việt Nam?

- A. Việt Nam tăng ít hơn Mi-an-ma. B. Mi-an-ma tăng gấp hai lần Việt Nam.
 C. Việt Nam tăng chậm hơn Mi-an-ma. D. Mi-an-ma tăng gấp ba lần Việt Nam.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết nhà máy nhiệt điện nào sau đây dùng nhiên liệu khí?

- A. Uông Bí. B. Na Dương. C. Ninh Bình. D. Phú Mỹ.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết tỉnh nào sau đây có đường bờ biển dài nhất?

- A. Quảng Trị. B. Hà Tĩnh. C. Thanh Hóa. D. Nghệ An.

Câu 58: Diện tích đất chưa sử dụng của nước ta tập trung chủ yếu ở khu vực

- A. đồng bằng. B. ven biển. C. đồi núi. D. hải đảo.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp chung, cho biết các cây công nghiệp nào sau đây được trồng nhiều ở Bắc Trung Bộ?

- A. Chè, đậu tương. B. Dừa, mía. C. Điều, cao su. D. Mía, lạc.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch nào sau đây có khu dự trữ sinh quyển thế giới?

- A. Cù Lao Chàm. B. Cúc Phương. C. Tràm Chim. D. Kon Ka Kinh.

Câu 61: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị Cao Lãnh thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Tiền Giang. B. An Giang. C. Long An. D. Đồng Tháp.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có khu kinh tế ven biển nào sau đây?

- A. Vân Đồn. B. Nghi Sơn. C. Vân Phong. D. Năm Căn.

Câu 63: Các huyện đảo của nước ta

- A. đã trở thành các điểm du lịch nổi tiếng. B. phát triển hoạt động chế biến hải sản.
 C. có nghề làm muối là nghề truyền thống. D. có các đảo lớn nằm ở vùng ven bờ.

Câu 64: Lãnh hải của nước ta là vùng biển

- A. ở ngoài biên giới quốc gia trên biển. B. được xem như lãnh thổ trên đất liền.
 C. mở rộng đến bờ ngoài của rìa lục địa. D. thuộc chủ quyền quốc gia trên biển.

Câu 65: Dân số nước ta hiện nay

- A. có tỉ suất sinh thô nhỏ hơn tử thô. B. tập trung chủ yếu ở các đô thị lớn.
 C. có tốc độ già hóa ở mức rất nhanh. D. phân bố hợp lí giữa các khu vực.

Câu 66: Các thành phố ở nước ta hiện nay

- A. tập trung ít lao động có chất lượng.
- C. là các trung tâm du lịch quốc gia.

Câu 67: Hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản ở nước ta được thuận lợi hơn chủ yếu nhờ

- A. phát triển các dịch vụ thủy sản.
- C. đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu.

Câu 68: Chăn nuôi gia cầm của nước ta hiện nay

- A. tập trung chủ yếu ở khu vực đồi núi.
- C. đã cung cấp sản phẩm cho xuất khẩu.

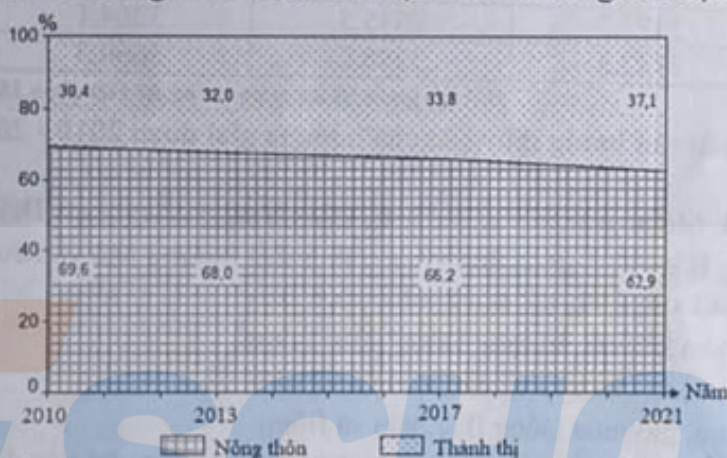
Câu 69: Bưu chính nước ta là ngành

- A. có tính phục vụ cao, mạng lưới rộng.
- C. chủ yếu tự động hóa, thiết bị hiện đại.

Câu 70: Cơ cấu lãnh thổ kinh tế nước ta hiện nay chuyển dịch theo hướng

- A. đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài.
- C. tăng nhanh tỉ trọng khu vực dịch vụ.

Câu 71: Cho biểu đồ về dân số nông thôn và thành thị của nước ta giai đoạn 2010 - 2021:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô dân số nông thôn và thành thị.
- B. Quy mô và cơ cấu dân số nông thôn và thành thị.
- C. Thay đổi cơ cấu dân số nông thôn và thành thị.
- D. Tốc độ tăng trưởng dân số nông thôn và thành thị.

Câu 72: Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. giải quyết việc làm, nâng cao mức sống.
- B. phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn.
- C. phát huy thế mạnh về đất đai và khí hậu.
- D. cung cấp nhiều sản phẩm cho xuất khẩu.

Câu 73: Thuận lợi chủ yếu để phát triển ngành dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. đô thị hóa mở rộng, nền kinh tế hàng hóa phát triển.
- B. nhiều lao động kĩ thuật, thị trường tiêu thụ mở rộng.
- C. thu hút nhiều vốn đầu tư, hội nhập toàn cầu sâu rộng.
- D. cơ cấu kinh tế đa dạng, có nhiều thế mạnh khác nhau.

Câu 74: Hiệu quả kinh tế của việc phát triển cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ tăng lên chủ yếu do

- A. lập vùng chuyên canh, ứng dụng khoa học kĩ thuật, tăng năng suất.
- B. tập trung thâm canh, phát triển thị trường, đẩy mạnh việc xuất khẩu.
- C. nâng cao sản lượng, tăng cường chế biến, tạo thương hiệu sản phẩm.
- D. sản xuất tập trung, áp dụng kĩ thuật mới, gắn với chế biến và dịch vụ.

Câu 75: Hoạt động ngoại thương nước ta hiện nay phát triển mạnh chủ yếu do

- A. hội nhập quốc tế sâu rộng, nâng cao mức sống.
- B. kinh tế tăng trưởng nhanh, mở rộng thị trường.
- C. sản xuất phát triển, chất lượng cuộc sống cao.
- D. thu hút nhiều đầu tư, sản xuất hàng xuất khẩu.

Câu 76: Phân công lao động theo lãnh thổ ở Bắc Trung Bộ hiện nay có chuyển biến quan trọng chủ yếu do tác động của

- A. công nghiệp hóa, khai thác tổng hợp biển, phát triển trang trại.
- B. đầu tư cơ sở hạ tầng, thu hút vốn đầu tư, phát triển khu kinh tế.
- C. phát triển du lịch, phân bố lại dân cư, sản xuất hướng hàng hóa.
- D. mở rộng đô thị, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xuất khẩu lao động.

Câu 77: Thế mở cửa của Duyên hải Nam Trung Bộ hiện nay có nhiều thuận lợi chủ yếu do

- A. đẩy mạnh ngoại thương, đầu tư xây dựng cảng biển.
- B. mở rộng khu kinh tế ven biển, hiện đại hóa sân bay.
- C. giao thông vận tải phát triển, phát huy các thế mạnh.
- D. nâng cấp mạng lưới đường bộ, đẩy mạnh xuất khẩu.

Câu 78: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

(Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm	2010	2013	2016	2021
Tổng số	5204,5	6133,7	6924,4	8792,5
Khai thác	2472,2	2835,5	3264,1	3937,1
Nuôi trồng	2732,3	3298,2	3660,3	4855,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sản lượng thủy sản của nước ta giai đoạn 2010 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Kết hợp.
- B. Miền.
- C. Cột chồng.
- D. Tròn.

Câu 79: Khí hậu vùng Đông Bắc Bộ về mùa đông mang tính thất thường chủ yếu do

- A. địa hình đồi núi, gió mùa Đông Bắc, dải hội tụ nhiệt đới, bão.
- B. Tín phong bán cầu Bắc xen kẽ với gió mùa Đông Bắc, frông.
- C. gió mùa Đông Bắc, hoạt động của bão và dải hội tụ nhiệt đới.
- D. địa hình hướng vòng cung, gió mùa Đông Bắc, bão và frông.

Câu 80: Xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long ngày càng gia tăng chủ yếu do

- A. thiên tai xảy ra nhiều, tài nguyên rừng suy giảm.
- B. nhiệt độ Trái Đất tăng, lượng mưa ngày càng ít.
- C. mùa khô sâu sắc, địa hình ba mặt giáp với biển.
- D. biến đổi khí hậu, chế độ nước sông thay đổi.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.